

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 115/2024/DS-ST

Ngày: 28 – 11 – 2024

V/v tranh chấp đòi lại tài sản (vàng)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Mỹ Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024, về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản (vàng)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 224/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H.**

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Trần Hoàng L.**

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 8 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H điều trình bày:

Ngày 02-10-2022 âm lịch, bà H có cho ông Trần Hoàng L mượn 04 (bốn) chỉ vàng 24k, là hai nhẫn tròn mỗi chiếc trọng lượng 02 (hai) chỉ, bà H đưa vàng trực tiếp cho ông L tại nhà bà H tọa lạc ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Bà H

cho ông L mượn trong vòng 01 tháng kể từ ngày 02-01-2022 âm lịch, nhưng hơn 01 tháng ông L vẫn không trả vàng, nên bà H đến nhà ông L đòi thì ông L hứa vài ngày trả nhưng cho đến nay đã 18 tháng, ông L vẫn chưa trả vàng cho bà H, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H. Ngày 31-01-2024, bà H làm đơn gửi Ban nhân dân ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng yêu cầu ông L trả vàng. Ngày 31-07-2024, ấp mời hai bên lên hoà giải nhưng không thành.

Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Hoàng L trả cho bà Nguyễn Thị H 04 (bốn) chỉ vàng 24k, tính theo thời điểm hiện nay trị giá khoảng 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

2. Đối với bị đơn ông Trần Hoàng L: Ông Trần Hoàng L đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng ông L đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án cũng không lấy lời khai của ông L được.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn giá trị của 04 chỉ vàng 24k quy ra thành tiền theo giá trị thị trường tại thời điểm xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ông Trần Hoàng L trả lại vàng; Theo xác nhận thông tin về nơi cư trú ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Công an xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng thì ông Trần Hoàng L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1991 có nơi thường trú và nơi ở hiện tại là ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; nên xác định đây là tranh chấp đòi lại tài sản (vàng) và Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên toà, bị đơn ông Trần Hoàng L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn ông L trả vàng; ông Trần Hoàng L không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Tòa án cũng không lấy lời khai được vì ông L vắng mặt ở địa phương.

Theo biên bản hoà giải ngày 31-7-2024 của Tổ hoà giải ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng có ghi nhận ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị H và ông Trần Hoàng L, ông L thừa nhận có vay vàng của bà H và hiện nay còn nợ bà H 04 (bốn) chỉ vàng 24k; bà H yêu cầu quy ra thành tiền theo giá thị trường, nhưng ông L chỉ đồng ý quy ra thành tiền là 20.000.000 đồng và hai bên cũng không thống nhất thời gian trả nợ, nên hai bên hoà giải không thành.

Căn cứ vào biên bản thu thập chứng cứ của Tòa án ngày 27-11-2024, thì ông Huỳnh Phú T, là Tổ trưởng; ông Đinh Quốc P, là Trưởng Ban nhân dân ấp và bà Dương Thị Diễm L, là Thư ký của Tổ hoà giải ấp H, xã H, huyện X xác nhận là biên bản hoà giải ngày 31-7-2024 được ghi nhận đúng sự thật.

Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Hội đồng xét xử xác định việc ông L còn nợ bà H 04 chỉ vàng 24k là đúng sự thật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trần Hoàng L phải trả cho bà H số vàng tổng cộng là 04 (bốn) chỉ vàng 24k, là có căn cứ chấp nhận, nên buộc ông L trả cho bà H 04 (bốn) chỉ vàng 24k tính theo giá trị trung bình tại thời điểm xét xử với giá là 8.460.000 đồng/chỉ, tổng cộng là 33.840.000 đồng (Ba mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Do buộc ông L trả bà H bằng tiền nên căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định trường hợp bên có nghĩa vụ là ông L chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5.1] Ông Trần Hoàng L có nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn bà H, nên ông L phải chịu án phí sơ thẩm như sau: 33.840.000 đồng x 5% = 1.692.000

đồng.

[5.2] Bà Nguyễn Thị H thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí sơ thẩm nên không nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 496 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, về việc buộc bị đơn ông Trần Hoàng L trả vàng.

Buộc bị đơn ông Trần Hoàng L trả nợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền là 33.840.000 đồng (Ba mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) tương đương giá trị 04 (Bốn) chỉ vàng 24k.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là bà Nguyễn Thị H cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là ông Trần Hoàng L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Trần Hoàng L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.692.000 đồng (Một triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng).

3.2. Bà Nguyễn Thị H thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm nên không phải nộp tiền tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn ông Trần Hoàng L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh